

Số/ No.: 20250724/KTGD/FUEKIV30-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 24, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

/To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest.

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEKIV30
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 23/07/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	1,900	3.91%
2	BCM	100	0.61%
3	BID	100	0.35%
4	BVH	100	0.47%
5	CTG	300	1.23%
6	FPT	800	8.06%
7	GAS	100	0.61%
8	GVR	200	0.55%
9	HDB	1,100	2.52%
10	HPG	4,000	9.51%
11	LPB	1,100	3.55%
12	MBB	1,300	3.17%
13	MSN	800	5.59%
14	MWG	1,000	6.33%
15	PLX	100	0.33%
16	SAB	100	0.43%
17	SHB	1,400	1.84%
18	SSB	800	1.44%
19	SSI	600	1.73%
20	STB	800	3.56%
21	TCB	1,800	5.72%
22	TPB	500	0.69%
23	VCB	400	2.24%
24	VHM	1,000	8.59%
25	VIB	1,000	1.56%
26	VIC	1,100	11.62%
27	VJC	300	2.74%
28	VNM	800	4.33%
29	VPB	1,600	3.24%
30	VRE	900	2.43%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	11,758,324	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

1,100,565,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

1,112,323,324

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

11,758,324

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	22,900	MAS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	38,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	52,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	MBB	27,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	23/07/2025	22/07/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued		2	(2)
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Outstanding shares	201,100,000	201,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	11,200.00	11,110.00	90.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	2,234,657,559,280	2,197,064,787,209	37,592,772,071
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,112,323,324	1,093,611,143	18,712,181
của 1 CCQ/ per Share	11,123.23	10,936.11	187.12
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,653.01	1,655.98	(2.97)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 22/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 22/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 21/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 21/07/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC